

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-PT

Ngày: 13/01/2026.

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp vốn, yêu cầu tuyên bố hợp đồng góp vốn vô hiệu; tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư.

- Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện;

Ông Nguyễn Thị Lệ Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 663/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn, yêu cầu tuyên bố hợp đồng góp vốn vô hiệu; tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 657/2025/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L sinh năm 1962. Địa chỉ thường trú: D3/4, tổ E, Khu phố A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Bùi Văn G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Công ty L1, đường N, tổ B, Khu phố D, phường Q, Thành phố B tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Nguyễn Như T, Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Công ty L1, đường N, tổ B, Khu phố D, phường Q, Thành phố B tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Công ty TNHH T2. Địa chỉ trụ sở: 11/02/19, khu phố A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); (Mã số

DN: 3600630665, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24/10/2024).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Trần Cảnh T1 – Chức danh giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Liên S, sinh năm 1965. Địa chỉ: B, đường N, tổ A, Khu phố B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Văn S1, sinh năm 1969. Địa chỉ: 3, tổ D, Khu phố G, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Khu phố G, phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1958. Địa chỉ: 11/02/19, khu phố A, đường N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người kháng cáo: Công ty TNHH T2.

(Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Như T, ông Hoàng Liên S, ông Đào Văn S1 có mặt tại phiên tòa. Ông Bùi Văn G, bà Nguyễn Trần Cảnh T1, ông Nguyễn Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Bùi Văn G trình bày:*

Vào ngày 26/10/2018, bà Trần Thị L có ký hợp đồng góp vốn với Công ty TNHH T2 với tổng số tiền là: 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận về thời hạn góp vốn là 3 năm kể từ ngày 26/10/2018 đến ngày 26/10/2021 và lợi nhuận mà Công ty T2 phải trả cho bà L hàng tháng là: 2%/tháng. Đồng thời, phía Công ty T2 cam kết "*Hết thời hạn 03 năm nếu chị L có nhu cầu tiếp tục góp vốn hoặc rút vốn tôi có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nêu trên cho chị L*". Hai bên có lập và ký tên, đóng dấu vào giấy biên nhận để ghi lại sự việc.

Khi hết thời hạn góp vốn vào ngày 26/10/2021, bà Trần Thị L đã rất nhiều lần liên hệ phía Công ty TNHH T2 yêu cầu rút vốn và đề nghị thanh toán cho bà L số tiền đã góp nhưng Công ty T2 tìm đủ mọi lý do nhằm trốn tránh việc thanh toán số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) mà bà L đã góp vốn vào ngày 26/10/2018.

Nhận thấy, Công ty TNHH T2 không có thiện chí trả số tiền gốc mà bà L đã góp vốn là vi phạm nghĩa vụ như hai bên thỏa thuận. Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền là: 2.730.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), trong đó:

+ Số tiền góp vốn là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)

+ Số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 27/10/2021 đến ngày 27/04/2022 là: 2.600.000.000 đồng x 10%/năm x 6 tháng = 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với toàn bộ nội dung trong Đơn khởi kiện phản tố của Công ty TNHH T2, nguyên đơn không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định đối với số tiền lãi mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng góp vốn từ năm 2018 đến năm 2021 mặc dù vượt quá quy định của pháp luật, nhưng số tiền lãi mà nguyên đơn thực nhận từ phía bị đơn ít hơn so với số tiền lãi mà bị đơn phải trả. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lại và cũng không yêu cầu giải quyết về lãi chậm trả mà chỉ yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc đã nhận là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

** Theo đơn khởi kiện phản tố của bị đơn cùng nội dung tại các bản tự khai trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Hoàng Liên S trình bày:*

Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là Công ty) có thực hiện ký kết vay vốn huy động của bà Trần Thị L để phục vụ hoạt động kinh doanh, việc vay vốn này ký kết nhiều lần và trong thời gian dài.

Ngày 26/9/2017, Công ty TNHH T2 và bà Trần Thị L có lập "Giấy biên nhận góp vốn", nội dung "Công ty TNHH T2 nhận tiền góp vốn của bà: Trần Thị L trú tại: D, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ...số tiền là 1.000.000.000 đồng, phương thức góp vốn có thời hạn; thời gian góp vốn 3 năm; lợi nhuận hàng tháng theo thỏa thuận....". Việc thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 2%. Quá trình sau đó bà L và Công ty TNHH T2 có một số giao dịch vay tiền khác trị giá khoảng 1.985.000.000đ (một tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng) trong đó có khoản vay 300.000.000đ thể hiện trong các phiếu chi trả của kế toán. Các giao dịch này hiện không còn chứng từ. Do làm ăn khó khăn nên Công ty TNHH T2 không trả lãi đầy đủ và còn nợ lại số tiền lãi là 697.480.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngày 26/10/2018, Công ty TNHH T2 và bà Trần Thị L có cùng nhau tổng kết công nợ và quyết định nhập số tiền lãi trên vào số tiền vay mới và hai bên lập các văn bản:

1. Giấy xác nhận nợ, nội dung: Tính đến ngày 26/10/2018, Công ty TNHH T2 còn nợ tiền lãi (của bà Trần Thị L là 697.480.000 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng)).

2. Cùng thời điểm, Công ty TNHH T2 và bà L lập Giấy biên nhận ghi ngày 26/10/2018, xác định: "Công ty TNHH T2 có nhận của bà Trần Thị L, sinh năm: 1962, Địa chỉ: D, tổ E, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai số tiền 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu) là tiền góp vốn nhận lãi hàng tháng với lãi xuất 02%/1 tháng, thời hạn đến 26/10/2021". Số tiền này là tiền gốc.

Ông Đào Văn S1 là chồng bà L là người nhận các khoản lãi và gốc, việc nhận tiền có lập biên nhận và phiếu thu. Về tiền lãi: hàng tháng công ty đều trả lãi đúng thỏa thuận.

Công ty TNHH T2 không vay mượn riêng với ông S1, tất cả khoản vay ghi của ông S1 thực tế là khoản vay của vợ chồng ông S1, bà L. Trong các chứng từ ghi những câu "chi trả tiền lãi vay chú S1 (khoản 300 triệu) ngày" do kế toán ghi theo thói quen từ trước ngày 26/10/2018 (ngày chưa tổng hợp khoản nợ) không phải là khoản vay riêng nào khác.

Đến năm 2020 - 2021, mặc dù trong tình hình dịch bệnh, giãn cách xã hội, việc hoạt động của Công ty TNHH T2 gặp khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng trả lãi và một phần gốc nhưng không đầy đủ. Ngày 24/10/2021, ông Nguyễn Ngọc B - Giám đốc Công ty viết giấy hẹn sẽ thanh toán tiền gốc vào ngày 20/11/2021. Do khó khăn trong kinh doanh nên Công ty không trả gốc và lãi dứt điểm được. Hiện nay do Công ty đang khó khăn, nhân viên kế toán Công ty nghỉ việc, nhân viên mới chưa tập hợp được đủ chứng từ, số liệu nên việc quyết toán công nợ với bà L bị chậm. Căn cứ số liệu lưu trữ tại Công ty (chứng từ + máy tính) thể hiện được như sau:

- Từ 26/10/2018 đến tháng 4/2022: Công ty TNHH T2 nợ bà Trần Thị L số tiền gốc là 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu).

- Năm 2019, Công ty đã trả 390.000.000đ tiền lãi và 40.000.000đ tiền gốc. Còn thiếu khoảng 122.000.000đ tiền lãi $\{520.000.000 - 390.000.000 - 8.000.000 (40.000.000 * 2\% * 10 \text{ tháng})\}$.

- Năm 2020, Công ty trả được 480.000.000đ tiền gốc và 255.000.000đ tiền lãi.

- Năm 2021, Công ty trả được 630.000.000đ tiền gốc và 10.000.000đ tiền lãi.

- Năm 2022, Công ty trả được 300.000.000đ tiền gốc và 15.000.000đ tiền lãi.

Tổng cộng đến tháng 4 năm 2022, Công ty đã trả được: Tiền gốc: 1.450.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), trong đó có 15 chứng từ tổng 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) người nhận ông Đào Văn S1 chồng bà Trần Thị L, còn lại thể hiện trên máy tính công ty.

Tiền lãi: 700.022.000đ (bảy trăm triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng), trong đó có 41 chứng từ tổng 700.022.000 đồng (bảy trăm triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng) còn lại thể hiện trên máy tính công ty. Như vậy tính đến nay, số tiền gốc Công ty còn thiếu bà L là 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm triệu đồng). Công ty rất có thiện chí trả nợ nhưng do tình hình làm ăn khó khăn, công ty chưa thanh lý được tài sản nên chưa hoàn tất thỏa thuận.

Việc chậm trả gốc và lãi thời gian qua là thiếu sót của Công ty, chủ yếu do tình hình khách quan không mong muốn mang lại, Công ty mong được bà L, ông S1 thông cảm và xem xét miễn giảm một phần tiền lãi xuất cho Công ty. Nếu nguyên đơn không chấp nhận bị đơn yêu cầu TAND giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2025, Công ty TNHH T2 có đơn yêu cầu phản tố với nội dung cụ thể như sau:

1. Tuyên biên nhận góp vốn ngày 26/10/2018, giữa Công ty TNHH T2 do ông Nguyễn Ngọc B làm đại diện theo pháp luật và bà Trần Thị L giao nhận số tiền 2.600.000.000đ là vô hiệu về góp vốn thì quan hệ thực chất giữa hai bên là vay tài sản.

2. Công ty TNHH T2 tiếp tục trả số tiền gốc còn lại là 1.150.000.000đ và lãi suất chậm trả trên số tiền gốc chưa thanh toán theo quy định.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định ông được phía công ty cung cấp một số tin nhắn zalo về việc công ty trong thời gian giải quyết vụ án này có thực hiện chuyển khoản trả cho một vài tài khoản (không phải tài khoản của bà L) số tiền khoảng 200.000.000đ. Tuy nhiên, do chỉ là tin nhắn zalo và không được bà L xác nhận và không có tính xác thực là chứng cứ có liên quan đến vụ án này nên ông đề nghị không đưa vào giải quyết trong cùng vụ án. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu trả 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) tiền gốc ông không có ý kiến, nhưng với tư cách là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông thực hiện đúng trách nhiệm tại nội dung văn bản uỷ quyền và xin giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đơn phản tố đã được thụ lý. Việc ông Nguyễn Ngọc B ký xác nhận nợ gốc khi không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là không phù hợp, nên giấy xác nhận nợ của ông B không phải là căn cứ để xác định phía bị đơn phải trả số tiền 2.600.000.000đ tiền gốc. Ngoài các tài liệu chứng cứ ông đã cung cấp và lời trình bày tại phiên toà, ông không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Đào Văn S1 trình bày tại phiên tòa trình bày:* Trước đây, khi ông Nguyễn Ngọc B còn là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 thì ông S1 được tuyển dụng vào Công ty và đảm nhiệm chức danh Trưởng phòng đối ngoại, phụ trách mảng ngoại giao, tiếp khách của Công ty. Theo đó, ông B đã nhờ ông đứng ra vay cho Công ty rất nhiều khoản vay từ bạn bè của ông S1, vay trước trả sau, hoặc ứng tiền ra tiếp khách rồi thanh toán lại, nên mới có những phiếu chi mà bị đơn cung cấp trong hồ sơ. Ngoài những khoản tiền mà ông thừa nhận trong biên bản đối chất tại Tòa án trước đây thì những khoản chi khác đều là những khoản chi cho những việc mà ông đã trình bày, không liên quan đến khoản tiền mà Công ty vay của bà Trần Thị L. Do đó, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Giữa ông và bà Trần Thị L không có quan hệ hôn nhân. Khoản tiền mà bà L cho bị đơn vay là tiền riêng của bà L.

**** Tại Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tuyên xử:***

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 147, 227; 228; 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 124, 131; 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với Công ty TNHH T2 và yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn; yêu cầu tuyên hợp đồng góp vốn vô hiệu và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

+ Buộc Công ty TNHH T2 thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền gốc chưa thanh toán là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chưa trả.

+ Tuyên bố Hợp đồng góp vốn (giấy biên nhận ngày 26/10/2018) giữa bà Trần Thị L và Công ty TNHH T2 vô hiệu.

+ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn chỉ còn số tiền là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) = 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng).

- Bà Trần Thị L phải chịu án phí không có giá ngạch đối với số tiền 300.000đ của yêu cầu tuyên hợp đồng giao dịch dân sự vô hiệu của bị đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi nên được miễn số tiền này. Đồng thời do yêu cầu khởi kiện đòi tiền gốc được chấp nhận, nên bà Trần Thị L được nhận lại 43.300.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002504 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

- Hoàn trả cho bị đơn tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố tuyên biên nhận góp vốn giữa bà Trần Thị L và Công ty TNHH T2 bị vô hiệu được chấp nhận theo biên lai thu số 0007871 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 10 năm 2025, Công ty TNHH T2 có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc Công ty TNHH T2 đã trả số tiền gốc là 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), nay chỉ trả số tiền gốc còn lại là

1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi nghìn đồng).

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:***

- Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phần tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người đại diện ủy quyền của bị đơn được thực hiện trong thời gian luật định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét đơn kháng cáo, thấy rằng:

[2.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng góp vốn, ông Nguyễn Duy B1 là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH T2, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bản chất của hợp đồng góp vốn là giao dịch vay tài sản, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T2 và các bên đương sự trong vụ án đều thừa nhận có việc Công ty TNHH T2 vay bà Trần Thị L với số tiền là 2.600.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

[2.2] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn cung cấp các phiếu chi trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 đến 10 tháng 3 năm 2021 đều thể hiện người nhận tiền là ông Đào Văn S1, không liên quan gì đến bà Trần Thị L. Mặt khác, căn cứ lời khai và các tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thể hiện bà Trần Thị L và ông Đào Văn S1 không có quan hệ hôn nhân, giữa bà Trần Thị L và ông Đào Văn S1 không tồn

tại thỏa thuận nhận tiền thay. Ông Đào Văn S1 và bà Trần Thị L khẳng định các khoản tiền Công ty TNHH T2 chỉ trả theo các phiếu thu là khoản tiền riêng của Công ty với ông Đào Văn S1, không liên quan đến khoản nợ giữa Công ty TNHH T2 với bà Trần Thị L. Do vậy, có cơ sở xác định bà Trần Thị L chưa nhận được khoản tiền gốc do Công ty TNHH T2 chỉ trả theo lời trình bày từ phía Công ty TNHH T2. Trường hợp Công ty TNHH T2 cho rằng ông Đào Văn S1 là người nhận các khoản tiền như trong phiếu chi cung cấp cho Tòa án thì có thể khởi kiện thành 01 vụ án khác để yêu cầu ông Đào Văn S1 trả lại.

[2.3] Yêu cầu phản tố về việc tuyên bố Hợp đồng góp vốn (giấy biên nhận ngày 26/10/2018) giữa bà Trần Thị L và Công ty TNHH T2 vô hiệu của Công ty TNHH T2 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với lời trình bày của Công ty TNHH T2 về việc xác định nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn chỉ còn số tiền là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) không phải yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa một phần Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo hướng Công ty TNHH T2 đã trả số tiền gốc là 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), nay tiếp tục trả số tiền gốc còn lại là 1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng). Đối với yêu cầu phản tố được chấp nhận, Công ty TNHH T2 không phải chịu án phí và được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0007871 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

- Bà Trần Thị L phải chịu án phí 300.000đ đối với yêu cầu tuyên hợp đồng giao dịch dân sự vô hiệu của bị đơn được chấp nhận. Do bà L là người cao tuổi nên được miễn số tiền này. Đồng thời do yêu cầu khởi kiện đòi tiền gốc được chấp nhận nên bà Trần Thị L được nhận lại 43.300.000 đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002504 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T2.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 361/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai:
 - Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 147, 227; 228; 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
 - Căn cứ các điều 124, 131; 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
 - Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với Công ty TNHH T2 và yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn; yêu cầu tuyên hợp đồng góp vốn vô hiệu và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

+ Buộc Công ty TNHH T2 thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền gốc chưa thanh toán là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chưa trả.

+ Tuyên bố Hợp đồng góp vốn (giấy biên nhận ngày 26/10/2018) giữa bà Trần Thị L và Công ty TNHH T2 vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.000.000đ (Tám mươi tư triệu đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0007871 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH T2 còn phải đóng số tiền là 83.700.000đ (Tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị L được hoàn trả lại số tiền là 43.300.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002504 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004147 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thư